

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2024/DS-PT

Ngày: 23 - 01 - 2024

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên Tòa: Bà Đinh Thị Quý Chi

Các Thẩm phán:

Bà Phạm Thị Bích Thủy

Ông Nguyễn Văn Thư

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa:
Ông Lê Văn Quang - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 21/12/2023, 28/12/2023 và 23/01/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 169/2023/TLPT-DS ngày 18/10/2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 33/2023/DS-ST ngày 15/8/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Đ bị kháng cáo và kháng nghị. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 194/2023/QĐ-PT ngày 07/11/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Đỗ Xa T, sinh năm 1989 (có mặt)

Bà Nguyễn Thị Bích Ph, sinh năm 1988 (có mặt)

Cùng địa chỉ: Đội 3, Ấp 2, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước; địa chỉ liên hệ: công ty Cao su B, đường T, phường P, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước

Bị đơn: Ông Trương Văn Tr, sinh năm 1985 (vắng mặt)

Bà Trương Thị Mai L, sinh năm 1990 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Tổ 4, khu phố Ph, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Tr, bà L là bà Trần Phương Th, sinh năm 1962, trú tại: khu phố X, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước (có mặt)

Người kháng cáo: Bị đơn Ông Trương Văn Tr và Bà Trương Thị Mai L.

Người kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, nguyên đơn Ông Đỗ Xa T và Bà Nguyễn Thị Bích Ph trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết, nên vợ chồng Ông Đỗ Xa T và Bà Nguyễn Thị Bích Ph cho vợ chồng Ông Trương Văn Tr và Bà Trương Thị Mai L vay 06 lần tiền. Cụ thể như sau:

Lần 1: Ngày 13/12/2019, Bà Trương Thị Mai L vay của Bà Nguyễn Thị Bích Ph số tiền 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*), thời hạn vay: 2,5 tháng, lãi suất thỏa thuận miệng 20% năm.

Lần 2: Ngày 19/3/2020, Bà Trương Thị Mai L vay của Bà Nguyễn Thị Bích Ph số tiền 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*), hẹn khi nào cần tiền bà Ph báo trước 01 tháng thì bà L sẽ thanh toán, lãi suất thỏa thuận miệng 20%/năm.

Lần 3 và 4: Cùng ngày 10/8/2020, Bà Trương Thị Mai L vay của Bà Nguyễn Thị Bích Ph 02 lần (01 lần vay 50.000.000 đồng và 01 lần vay 100.000.000 đồng) tổng số tiền 150.000.000 đồng (*Một trăm năm mươi triệu đồng*), hẹn khi nào cần tiền bà Ph báo trước 01 tháng thì bà L sẽ thanh toán, lãi suất thỏa thuận miệng 20% /năm.

Lần 5: Ngày 15/9/2021, Ông Trương Văn Tr và Bà Trương Thị Mai L vay của Ông Đỗ Xa T số tiền 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*), hẹn khi nào cần tiền ông T báo trước 01 tháng thì vợ chồng ông Tr sẽ thanh toán, lãi suất thỏa thuận miệng 20% /năm.

Lần 6: Ngày 22/12/2022, Bà Trương Thị Mai L vay của Bà Nguyễn Thị Bích Ph số tiền 410.000.000 đồng (*Bốn trăm mười triệu đồng*), hẹn khi nào cần tiền bà Ph báo trước 01 tháng thì bà L sẽ thanh toán, lãi suất thỏa thuận miệng 20% /năm.

Các lần vay trên, ông Tr, bà L chưa thanh toán cho ông T, bà Ph được khoản tiền nào cả gốc lẫn lãi.

Việc vay tiền, vợ chồng ông Tr, bà L có viết giấy nhận nợ, có chữ ký của ông bà. Khi cần tiền vợ chồng ông T báo cho vợ chồng ông Tr biết nhưng vợ chồng ông Tr xin khất nợ và sau đó cố tình né tránh không chịu thanh toán.

Nay, Ông Đỗ Xa T và Bà Nguyễn Thị Bích Ph yêu cầu Tòa án buộc Ông Trương Văn Tr và Bà Trương Thị Mai L liên đới hoàn trả cho vợ chồng ông T tổng số tiền nợ gốc: 730.000.000 đồng; nợ lãi tính từ ngày vay đến ngày 15/8/2023 (ngày xét xử) và đồng ý làm tròn tháng, lãi suất 1,125%/tháng, với tổng số tiền lãi là: 157.500.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, bị đơn Ông Trương Văn Tr trình bày:

Ngày 15/9/2021, vợ chồng Ông Trương Văn Tr có vay của Ông Đỗ Xa T số tiền 100.000.000 đồng, hiện chưa thanh toán, lãi suất thoả thuận miệng 2.000 đồng/ngày/1 triệu đồng, hàng tháng ông Tr đi làm về đưa tiền cho bà L để thanh toán tiền lãi cho ông T mỗi tháng 5.000.000 đồng, tiền lãi đã thanh toán được cho ông T từ ngày vay đến khoảng cuối năm 2022, bà L thanh toán tiền lãi cho ông T thông qua tài khoản của người khác do ông T yêu cầu. Nay, ông T khởi kiện, ông Tr đồng ý thanh toán số tiền nợ gốc 100.000.000 đồng cho ông T.

Các khoản vay khác, theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Nguyễn Thị Bích Ph thì ông Tr cho rằng, Bà Trương Thị Mai L có vay của vợ chồng ông T hay không ông không biết, nên ông không đồng ý cùng bà L thanh toán cho vợ chồng ông T .

Theo bản lời khai gửi qua đường Bưu chính đề ngày 12/5/2023, Bà Trương Thị Mai L trình bày:

Bà Trương Thị Mai L chỉ đồng ý với số tiền mượn của ông T là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) và của bà Ph là 170.000.000 đồng (Một trăm bảy mươi triệu đồng).

Tiền lãi của ông T , bà L đã trả hàng tháng và được chuyển vào tài khoản của người khác theo yêu cầu của ông T .

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 33/2023/DS-ST ngày 15/8/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Đ đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ông Đỗ Xa T và Bà Nguyễn Thị Bích Ph , về việc: “*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*”. Buộc Ông Trương Văn Tr và Bà Trương Thị Mai L liên đới thanh toán cho Ông Đỗ Xa T và Bà Nguyễn Thị Bích Ph tổng số tiền tính đến ngày 15/8/2023, là: 887.500.000 đồng (*Tám trăm tám mươi bảy triệu, năm trăm nghìn đồng*). Trong đó, nợ gốc 730.000.000 đồng, tổng số nợ lãi tính từ ngày vay đến ngày 15/8/2023 là 157.500.000 đồng.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 28/8/2023, bị đơn Ông Trương Văn Tr , Bà Trương Thị Mai L nộp đơn kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 33/2023/DS-ST ngày 15/8/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Đ vì bản án không khách quan, đánh giá chứng cứ chưa đầy đủ làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông Trường, bà L .

Ngày 30/8/2023, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ kháng nghị toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 33/2023/DS-ST ngày 15/8/2023 của Tòa

án nhân dân thành phố Đ. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử phúc thẩm vụ án theo hướng: Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm đối với phần lãi suất của khoản vay 50.000.000 đồng ngày 13/12/2019 và lãi suất của khoản vay 100.000.000 đồng ngày 15/9/2021. Hủy và đình chỉ một phần bản án dân sự sơ thẩm đối với 4 khoản vay: Giấy vay ngày 19/3/2020 số tiền 20.000.000 đồng, giấy vay ngày 10/8/2020 số tiền 100.000.000 đồng và số tiền 50.000.000 đồng, giấy vay ngày 22/12/2022 số tiền 410.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn thay đổi một phần yêu cầu kháng cáo đề nghị HĐXX hủy bản án sơ thẩm.

- Nguyên đơn Ông Đỗ Xa T, Bà Nguyễn Thị Bích Ph giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật: Kể từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Với những chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông Tr, bà L và chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 33/2023/DS-ST ngày 15/8/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Đ theo hướng hủy và đình chỉ một phần bản án sơ thẩm về phần tiền lãi do nguyên đơn rút yêu cầu; giữ nguyên phần quyết định buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 730.000.000 đồng nợ gốc.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

* Về tố tụng:

[1] Đơn kháng cáo của bị đơn Ông Trương Văn Tr , Bà Trương Thị Mai L và Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ làm trong thời hạn luật định, hình thức và nội dung phù hợp các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên cần xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

* Về nội dung:

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn Ông Trương Văn Tr , Bà Trương Thị Mai L và Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ (sau đây gọi tắt là: Kháng nghị), Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[3] Trong quá giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, ông Tr bà L không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, trong bản tự khai ông bà gửi Tòa án cũng không trình bày đầy đủ ý kiến về từng khoản vay mà phía nguyên đơn đang khởi kiện. Mặc dù, tại cấp phúc thẩm ông bà có uỷ quyền cho bà Trần Phương Th tham gia tố tụng nhưng tại phiên tòa ngày 21/12/2023 bà Th trình bày không nắm được các tình tiết của vụ án. Để đảm bảo cho quyền và lợi ích của ông Tr bà L , ngày 28/12/2023 Hội đồng xét xử đã ban hành Thông báo số 13/TB-TA yêu cầu ông Tr bà L phải có mặt để tham gia phiên tòa xét xử vào lúc 8 giờ 00 phút ngày 19/01/2023 nhưng ông Tr bà L vẫn vắng mặt.

[4] Ngày 15/01/2024, bị đơn bà L nộp văn bản giải trình đối với 06 khoản vay mà nguyên đơn ông T, bà Ph đang khởi kiện.

Hội đồng xét xử, xét thấy:

[5] Về khoản vay lần 1: Giấy biên nhận vay tiền (bút lục 29) thể hiện ngày 13/12/2019 bà L vay của bà Ph số tiền 50.000.000 đồng (phần chữ ghi sáu mươi triệu đồng), hạn cuối tháng 1 âm lịch năm 2020 sẽ trả, giấy vay có chữ viết và chữ ký của bà L và bà L cũng thừa nhận có vay của bà Ph số tiền 60.000.000 đồng. Do vậy, căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật dân sự đây là sự thật các bên đương sự không phải chứng minh. Tuy nhiên, bà L cho rằng bà đã trả bằng tiền mặt số tiền nêu trên cho bà Ph, bà L đã nhiều lần yêu cầu bà Ph trả lại giấy vay nhưng bà Ph nói không tìm thấy do bạn bè tin tưởng nhau nên bà L đã tin lời bà Ph . Nhưng, lời trình bày này của bà L không được bà Ph thừa nhận, bà L cũng không có tài liệu chứng cứ nào chứng minh bà đã trả số tiền trên. Do vậy, cần xác định bà L chưa thanh toán cho bà Ph số tiền 50.000.000 đồng.

[6] Về khoản vay lần 2: Giấy biên nhận vay tiền (bút lục 30) thể hiện ngày 19/3/2020 bà L vay của bà Ph số tiền 20.000.000 đồng, khi nào bà Ph lấy báo trước 1 tháng. Và, về khoản vay lần 3, lần 4: Hợp đồng cho vay tiền ngày 10/8/2020 thể hiện cùng ngày 10/8/2020 bà L có vay của bà Ph 02 lần (01 lần vay 50.000.000 đồng và 01 lần vay 100.000.000 đồng) tổng cộng 150.000.000 đồng. Tại bản giải trình của bà L và lời trình bày của bà Th tại phiên tòa đều thừa nhận những khoản vay này. Do vậy, đây là những tình tiết được coi là sự thật không phải chứng minh theo quy định khoản 2 Điều 92 Bộ luật dân sự.

[7] Về khoản vay lần 5: Giấy mượn tiền (bút lục số 33) thể hiện ngày 15/9/2021 ông Tr và bà L vay của ông T số tiền 100.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy: Tại bản tự khai ngày 12/5/2022 của bà L (bút lục số 21) và bản tự khai ông Tr (bút lục số 22) và bản giải trình ngày 10/01/2024 của bà L cũng thừa nhận bà L , ông Tr vay của ông T số tiền 100.000.000 đồng. Nhưng bà L và ông Tr cho rằng, hàng tháng ông Tr có đưa bà L 5 triệu đồng để bà L chuyển khoản vào những số tài khoản do ông T yêu cầu và đã thanh toán được từ ngày vay đến khoảng đầu năm 2023. Tuy nhiên, lời trình bày này không được nguyên đơn thừa nhận, bị đơn ông Tr cũng chỉ biết nghe bà L nói lại chứ thực sự ông không chứng

kiến việc bà L thanh toán tiền lãi cho ông T. Hơn nữa, trong suốt quá trình giải quyết vụ án Tòa án các cấp đã triệu tập bà L đến Tòa để đối chất làm rõ nhưng bà không hợp tác. Đối với số tiền mà bà L cho rằng đã chuyển khoản vào những số tài khoản mà ông T cung cấp, tại phiên tòa ông T, bà Ph cho rằng đây là những khoản vay nhỏ hàng ngày do hai bên là bạn bè thân thiết như người nhà. Mặt khác, tại chứng từ chuyển khoản không thể hiện nội dung đó là những khoản tiền gì. Mặt khác, phía bị đơn cũng không xác định được mình đã trả chính xác được bao nhiêu tiền lãi. Trong khi, Tòa án đã ban hành Thông báo số 13/TB-TA ngày 28/12/2024 yêu cầu bà L, ông Tr giải trình về các khoản đã vay, khoản đã trả nhưng bà L, ông Tr cũng không giải trình được đã trả bao nhiêu tiền gốc, bao nhiêu tiền lãi của khoản vay 100.000.000 đồng? Do đó, không có căn cứ cho rằng khoản tiền vay 100.000.000 đồng trên bà L đã thanh toán tiền lãi cho ông T từ ngày vay cho đến thời điểm đầu năm 2023, nên lời trình bày này của bị đơn không được chấp nhận.

[8] Về khoản vay lần 6: Giấy vay tiền (bút lục số 34) thể hiện ngày 22/12/2022 bà L vay của bà Ph số tiền 410.000.000 đồng, hẹn khi nào bà Ph cần thì báo trước 01 tháng có chữ viết và chữ ký của bà L. Tại bản giải trình ngày 10/01/2024 của bà L và lời trình bày tại phiên tòa phúc thẩm của bà Th đều cho rằng số tiền 410.000.000 đồng chính là số tiền gốc 200.000.000 đồng đã vay ngày 19/3/2020 và 150.000.000 đồng đã vay ngày 10/8/2020 cùng tiền lãi tính theo mức $2.000/\text{ngày}/1\text{triệu} \times 30 \text{ ngày} = 10.200.000 \text{ đồng}/1\text{tháng} \times 24 \text{ tháng} = 244.800.000 \text{ đồng}$, trong đó bà Ph đã đồng ý bớt 4.800.000 đồng, tổng cộng cả gốc và lãi 410.000.000 đồng (170.000.000 đồng + 240.000.000 đồng). Phía bị đơn cho rằng sau khi viết xong giấy nợ ngày 410.000.000 đồng thì bà Ph không đưa giấy biên nhận nợ trước đó cho bà L đồng thời cũng không giao cho bà L khoản tiền 410.000.000 đồng nào. Hội đồng xét xử xét thấy, lời trình bày này của bà L và người đại diện là bà Th không được bà Ph ông T thừa nhận. Ngoài lời trình bày trên bà L không có tài liệu chứng cứ nào chứng minh số tiền 410.000.000 đồng là tiền cộng gộp của các khoản vay trước hay việc bà L không vay số tiền này của bà Ph. Việc bà L vay tiền của bà Ph nhiều lần, mỗi lần đều viết biên nhận nhưng khi trả lại không yêu cầu bà Ph ông T xóa bỏ, tiêu hủy biên nhận hoặc viết biên nhận trả tiền là mâu thuẫn.

[9] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định từ ngày 13/12/2019 đến ngày 22/12/2022 bà L ký giấy vay của bà Ph 05 lần với tổng số tiền 630.000.000 đồng; riêng ngày 15/9/2021 vợ chồng ông Tr, bà L ký giấy vay của ông T 100.000.000 đồng. Cả 06 lần vay trên bị đơn đều chưa trả nợ.

[10] Bên cạnh đó, tại phiên tòa sơ thẩm, ông Tr khẳng định ông Tr, bà L có đăng ký kết hôn năm 2012 tại UBND xã Phú Trung, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước, hiện vẫn là vợ chồng hợp pháp. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Thuý người đại diện theo uỷ quyền của ông Tr, bà L thừa nhận việc bà L vay tiền của bà Ph là để chữa bệnh cho con của bà L ông Tr và làm thủ tục cấp sổ đất. Hội đồng xét

xử xét thấy, việc vay tiền của bị đơn được sử dụng vào mục đích như trên được coi là phục vụ nhu cầu thiết yếu của gia đình. Tòa án cấp sơ thẩm buộc Ông Trương Văn Tr (chồng Bà Trương Thị Mai L) phải chịu trách nhiệm liên đới cùng bà L thanh toán cho vợ chồng Ông Đỗ Xa T và Bà Nguyễn Thị Bích Ph số tiền nợ gốc 730.000.000 đồng là có căn cứ.

[11] Đối với tiền lãi suất của tổng số tiền nợ gốc 730.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy: tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông T bà Ph đã xin rút yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu buộc bị đơn phải trả tiền lãi. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện này là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc hay lừa dối, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội. Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn cũng đồng ý với việc rút yêu cầu trên. Do đó, căn cứ vào Điều 299 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử cần hủy một phần bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu tính tiền lãi của ông T, bà Ph.

[12] Đối với kháng cáo của ông Tr, bà L và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ về việc đề nghị Hội đồng xét xử sửa một phần bản án sơ thẩm đối với lãi suất của khoản vay 50.000.000 đồng ngày 13/12/2019 và khoản vay 100.000.000 đồng ngày 15/9/2021. Như phân tích tại đoạn [11], do ông T bà Ph đã rút yêu cầu khởi kiện đối với toàn bộ số tiền lãi, trong vụ án bị đơn cũng không có yêu cầu phản tố về nội dung này. Tại phiên tòa phúc thẩm, Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử về phần lãi suất nên việc xem xét lại về phần này là không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[13] Đối với kháng cáo của ông Tr, bà L và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ về việc đề nghị hủy và đình chỉ một phần bản án sơ thẩm đối với 04 khoản vay gồm: Giấy vay ngày 19/3/2020 vay số tiền 20.000.000 đồng (bút lục 09); giấy vay ngày 10/8/2020 vay số tiền 100.000.000 đồng (bút lục 06) và vay số tiền 50.000.000 đồng (bút lục 07); giấy vay ngày 22/12/2022 vay số tiền 410.000.000 đồng (bút lục 05) với lý do trước khi khởi kiện nguyên đơn chưa thông báo bị đơn phải trả nợ trong một khoảng thời gian hợp lý nên thuộc trường hợp chưa đủ điều kiện khởi kiện. Hội đồng xét xử xét thấy:

[14] Các giấy vay ngày 19/3/2020 vay số tiền 20.000.000 đồng (bút lục 09); giấy vay ngày 10/8/2020 vay số tiền 100.000.000 đồng (bút lục 06) và vay số tiền 50.000.000 đồng (bút lục 07); giấy vay ngày 22/12/2022 vay số tiền 410.000.000 đồng (bút lục 05) đều thể hiện khi nào cần tiền thì bên cho vay báo trước 01 tháng như vậy đây là hợp đồng vay không kỳ hạn theo quy định tại Điều 469 Bộ luật tố tụng dân sự. Mặc dù, nguyên đơn ông T, bà Ph không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh rằng ông T, bà Ph đã báo trước cho ông Tr, bà L việc đòi nợ vào thời gian nào mà chỉ cho rằng ông bà đã trực tiếp báo nhiều lần chứ không thông báo bằng văn bản nên ông Tr, bà L đã hứa sẽ bán nhà để trả

tiền nợ cho ông bà qua tin nhắn điện thoại. Nhưng, xét thấy sau khi Tòa án thụ lý vụ án, ông Tr bà L đã biết việc bà Ph ông T khởi kiện, đã nhận được thông báo thụ lý vụ án vào ngày 08/5/2023. Tính đến thời điểm này ông Tr, bà L đã biết việc ông T, bà Ph yêu cầu trả nợ đối với các giấy vay trên là 8 tháng. Do vậy, việc kháng cáo của ông Tr, bà L và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ về việc đề nghị hủy và đình chỉ một phần bản án sơ thẩm đối với 04 khoản vay gồm: Giấy vay ngày 19/3/2020 vay số tiền 20.000.000 đồng (bút lục 09); giấy vay ngày 10/8/2020 vay số tiền 100.000.000 đồng (bút lục 06) và vay số tiền 50.000.000 đồng (bút lục 07); giấy vay ngày 22/12/2022 vay số tiền 410.000.000 đồng (bút lục 05) do chưa đủ điều kiện khởi kiện là chưa phù hợp.

[15] Từ những phân tích trên cần chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông Tr bà L và Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ , sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng hủy và đình chỉ giải quyết một phần bản án sơ thẩm về phần tiền lãi; giữ nguyên quyết định buộc bà L ông Tr trả cho ông T bà Ph số tiền nợ gốc 730.000.000 đồng.

[16] Án phí dân sự sơ thẩm: do sửa bản án theo hướng hủy và đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện do nguyên đơn rút yêu cầu nên bị đơn phải chịu án phí như bản án sơ thẩm đã xác định là 38.625.000 đồng; Ông T và bà Bích Phương không phải chịu.

[17] Án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu.

[18] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[19] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 308 và Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn Ông Trương Văn Tr , Bà Trương Thị Mai L;

Chấp nhận một phần Kháng nghị số 02/QĐKNPT/VKS-DS ngày 29/8/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ;

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 33/2023/DS-ST ngày 15/8/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Đ .

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các điều 147, 228, 266, 299 và khoản 1 Điều 312 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 463, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ông Đỗ Xa T và Bà Nguyễn Thị Bích Ph về việc “*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*”.

Buộc Ông Trương Văn Tr và Bà Trương Thị Mai L có trách nhiệm liên đới thanh toán cho Ông Đỗ Xa T và Bà Nguyễn Thị Bích Ph tổng số tiền nợ gốc 730.000.000 đồng (*bảy trăm ba mươi triệu đồng*).

2/ Hủy và Đình chỉ giải quyết một phần bản án sơ thẩm về phần tiền lãi do nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện về phần này.

3/ Án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc Ông Trương Văn Tr và Bà Trương Thị Mai L phải liên đới chịu 38.625.000 đồng (*Ba mươi tám triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng*).

Ông Đỗ Xa T và Bà Nguyễn Thị Bích Ph không phải chịu. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đ, tỉnh Bình Phước hoàn trả lại cho ông T, bà Ph số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 18.000.000 đồng (*Mười tám triệu đồng*), theo biên lai thu tiền số 0004819 ngày 24-3-2023.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án, bên có nghĩa vụ trả tiền chậm trả tiền thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4/ Án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn Ông Trương Văn Tr và Bà Trương Thị Mai L không phải chịu. Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đ hoàn trả cho ông Tr bà L số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0005187 ngày 10/10/2023.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- Tòa án ND thành phố Đ;
- VKSND thành phố Đ;
- Chi Cục THADS thành phố Đ;
- Lưu: hồ sơ vụ án, Văn thư, Tổ HC-TP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Quý Chi

